

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
 ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* :

29/11/2023

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	5.89%
2	VPB	2,300	5.75%
3	HPG	1,600	5.52%
4	ACB	1,700	4.81%
5	TCB	1,100	4.26%
6	VNM	400	3.54%
7	VCB	300	3.33%
8	VIC	600	3.29%
9	STB	900	3.27%
10	MBB	1,400	3.23%
11	VHM	600	3.16%
12	MWG	600	2.95%
13	MSN	300	2.38%
14	HDB	1,000	2.33%
15	LPB	1,100	2.13%
16	SSB	700	2.08%
17	SSI	500	2.03%
18	SHB	1,400	1.96%
19	EIB	800	1.88%
20	VIB	700	1.69%
21	TPB	700	1.52%



22	CTG	400	1.51%
23	VJC	100	1.38%
24	MSB	800	1.32%
25	FRT	100	1.28%
26	DGC	100	1.22%
27	KDH	300	1.21%
28	KBC	300	1.20%
29	VRE	400	1.18%
30	VND	400	1.08%
31	VCI	200	1.05%
32	OCB	600	1.03%
33	PNJ	100	1.02%
34	GAS	100	0.99%
35	VHC	100	0.88%
36	GMD	100	0.87%
37	SAB	100	0.84%
38	GEX	300	0.83%
39	HSG	300	0.83%
40	KDC	100	0.82%
41	DXG	300	0.77%
42	REE	100	0.74%
43	VPI	100	0.71%
44	PDR	200	0.70%
45	DGW	100	0.64%
46	DIG	200	0.63%
47	VIX	300	0.63%
48	BVH	100	0.51%
49	BID	100	0.50%
50	NLG	100	0.48%
51	PLX	100	0.44%
52	DPM	100	0.42%
53	HAG	300	0.41%
54	DCM	100	0.40%
55	HCM	100	0.38%
56	HDG	100	0.36%
57	PVD	100	0.35%
58	SBT	200	0.34%
59	PCI	100	0.33%
60	PVT	100	0.33%
61	TCH	200	0.31%
62	DBC	100	0.30%
63	NKG	100	0.29%
64	VCG	100	0.29%

327
CÔ
TỘT T
AN L
CHỦ
Á T

65	POW	200	0.29%
66	GVR	100	0.25%
67	PAN	100	0.24%
68	BCG	200	0.22%
69	HHV	100	0.18%
II.	Tiền/Cash (VND)	18,823,420	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	773,917,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	792,740,420
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	18,823,420

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	21,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	38,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	91,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	67,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	17,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	38,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	79,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	57,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	29,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	16,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	20,800	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

78 - C
 TỶ
 H
 H VIỆN
 Y ĐẦU
 HOÁN
 A
 G - TP

Đại diện tổ chức/Organization Representative
Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga